

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH
QUY ĐỊNH THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG VÀ DỰ KIẾN KINH PHÍ/CHI PHÍ TỪ NGUỒN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỂ THỰC HIỆN MUA SẮM, SỬA CHỮA, CẢI TẠO, NÂNG CẤP TÀI SẢN, TRANG THIẾT BỊ; THUÊ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ; SỬA CHỮA, CẢI TẠO, NÂNG CẤP, MỞ RỘNG, XÂY DỰNG MỚI HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH TRONG CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG; HOẠT ĐỘNG QUY HOẠCH CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH KHÁNH HÒA
VỚI NGHỊ ĐỊNH SỐ 104/2026/NĐ-CP NGÀY 31/3/2026 CỦA CHÍNH PHỦ

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH	THUYẾT MINH
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh		
Điều 1 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ	- Quyết định này quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí/chi phí từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước để thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; hoạt động quy hoạch của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Khánh Hòa	- Điều 1 dự thảo Quyết định được xây dựng trên cơ sở cụ thể hóa phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ đối với các nhiệm vụ sử dụng nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương. - Nội dung dự thảo xác định rõ phạm vi áp dụng đối với 04 nhóm nhiệm vụ: (i) mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; (ii) thuê hàng hóa, dịch vụ; (iii) sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; và (iv) hoạt động quy hoạch.
Điều 2. Đối tượng áp dụng		
Điều 2 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ	1. Cơ quan nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội), tổ chức chính trị và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh. 2. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; hoạt động quy hoạch thuộc phạm vi quản lý của tỉnh	- Cơ bản kế thừa quy định nhóm đối tượng quy định tại Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của HĐND tỉnh. Điều chỉnh đối tượng áp dụng theo quy định tại Điều 2, Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ
Điều 3. Thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước để thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ		
Điều 17, điều 27 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ	1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí để thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với nhiệm vụ có dự kiến kinh phí thực hiện từ 500 triệu đồng/nhiệm vụ trở lên. 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí để thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, đơn vị cấp xã từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách cấp xã (bao gồm cả số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên), đối với nhiệm vụ có dự kiến kinh phí thực hiện từ 500 triệu đồng/nhiệm vụ trở lên. 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp xã quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí để thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ của cơ quan, đơn vị mình đối với nhiệm vụ có dự kiến kinh phí thực hiện dưới 500 triệu đồng/nhiệm vụ.	- Khảo sát dự thảo Quy định của một số địa phương sau khi Nghị định số 104/2026/NĐ-CP được ban hành, cho thấy xu hướng chung là tăng cường phân cấp thẩm quyền cho các cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng ngân sách, đồng thời vẫn bảo đảm UBND các cấp kiểm soát các nhiệm vụ có quy mô lớn. - Dự thảo tại điều 3 Quyết định cơ bản kế thừa Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của HĐND tỉnh, tham khảo xu hướng phân cấp của các địa phương và điều chỉnh để phù hợp tình hình thực tế của tỉnh, nhằm tăng tính chủ động cho các cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên, gắn trách nhiệm người đứng đầu, đồng thời vẫn bảo đảm UBND các cấp kiểm soát nhiệm vụ có giá trị lớn.
Điều 4. Thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước để thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng		

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH	THUYẾT MINH
Điều 20 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ	<p>1. Đối với nguồn chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh (bao gồm cả số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên):</p> <p>a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh đối với nhiệm vụ có dự kiến chi phí thực hiện từ 10 tỷ đồng/nhiệm vụ đến không quá 20 tỷ đồng/nhiệm vụ.</p> <p>b) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với nhiệm vụ có dự kiến chi phí thực hiện dưới 10 tỷ đồng/nhiệm vụ.</p> <p>2. Đối với nguồn chi thường xuyên của ngân sách cấp xã (bao gồm cả số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên): Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm trong phạm vi chi thường xuyên do cấp xã quản lý dưới 10 tỷ đồng/nhiệm vụ</p>	<p>- Nội dung dự thảo được xây dựng trên cơ sở kế thừa quy định tại Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của HĐND tỉnh. Theo quy định tại Nghị quyết 19, UBND tỉnh quyết định phê duyệt đối với nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh có dự kiến kinh phí từ 500 triệu đồng trở lên và tối đa không quá 10 tỷ đồng/nhiệm vụ; các cơ quan, đơn vị, đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp tỉnh quyết định phê duyệt đối với nhiệm vụ dưới 500 triệu đồng.</p> <p>- Tuy nhiên, để phù hợp với quy định tại Nghị định số 104/2026/NĐ-CP và tình hình thực tế của địa phương, dự thảo điều chỉnh thẩm quyền đối với nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng theo hướng: UBND tỉnh quyết định phê duyệt đối với nhiệm vụ có dự kiến chi phí thực hiện từ 10 tỷ đồng/nhiệm vụ đến không quá 20 tỷ đồng/nhiệm vụ (tối đa không quá 20 tỷ đồng/nhiệm vụ quy định tại tiết b khoản 2 Điều 4 NĐ số 104/NĐ-CP); đồng thời phân cấp cho Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định phê duyệt đối với nhiệm vụ có dự kiến chi phí thực hiện dưới 10 tỷ đồng/nhiệm vụ.</p> <p>- Việc điều chỉnh này nhằm mở rộng phân cấp thẩm quyền của UBND tỉnh cho các sở, ban, ngành và cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, tạo sự chủ động trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng thuộc phạm vi quản lý; rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Đồng thời, vẫn bảo đảm UBND tỉnh kiểm soát đối với các nhiệm vụ có quy mô lớn, có dự kiến chi phí từ 10 tỷ đồng đến không quá 20 tỷ đồng/nhiệm vụ, qua đó bảo đảm việc quản lý, sử dụng nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước đúng thẩm quyền, tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp quy định pháp luật.</p>
Điều 5. Thẩm quyền quyết định phê duyệt dự kiến chi phí từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động quy hoạch		
Điều 25 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ	<p>1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch đối với quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ các quy hoạch đã phân cấp, ủy quyền cho đơn vị cấp dưới).</p> <p>2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch đối với quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt (hoặc được phân cấp, ủy quyền phê duyệt) sau khi có ý kiến của cơ quan quản lý chuyên ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu quyết định phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch đối với quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt (hoặc được phân cấp, ủy quyền phê duyệt) của Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.</p>	<p>- Nội dung tại điều 5 của dự thảo Quyết định được cụ thể hóa quy định tại điểm b khoản 2 Điều 25 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ. Nội dung này mới quy định tại Nghị định 104/2026/NĐ-CP (không được quy định tại Nghị định số 98/2025/NĐ-CP).</p>
Điều 6. Tổ chức thực hiện		
Điều 29 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ	<p>1. Giao Sở Tài chính triển khai thực hiện Quyết định theo quy định.</p> <p>2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp xã chịu trách nhiệm quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí/chi phí từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước để thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; hoạt động quy hoạch của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; trường hợp cần lấy ý kiến của sở, ngành chuyên môn, cơ quan chuyên ngành hoặc cơ quan, đơn vị địa phương có liên quan thì phải thực hiện trước khi phê duyệt, bảo đảm đúng thẩm quyền, đúng phạm vi và quy định của pháp luật.</p>	<p>- Bảo đảm phù hợp với yêu cầu về thể thức, kỹ thuật trình bày và nội dung bắt buộc của văn bản quy phạm pháp luật.</p>
Điều 7. Hiệu lực thi hành		
Điều 29 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ	<p>1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026.</p> <p>2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này</p>	<p>- Bảo đảm phù hợp với yêu cầu về thể thức, kỹ thuật trình bày và nội dung bắt buộc của văn bản quy phạm pháp luật.</p>